TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2026/DS-ST
Ngày: 28- 4-2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, thực hiện quyền và nghĩa vụ của người chết để lại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Đóa và ông Nguyễn Văn Lợc

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Phương – Thư ký TAND Khu vực 4 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Phương Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, thực hiện quyền và nghĩa vụ của người chết để lại"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B (BV B1)

Địa chỉ: Tòa nhà H, D N, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T; chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình A; chức vụ: Giám đốc TT QL&THN.

Địa chỉ: E L, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lê Đình T1, cán bộ ngân hàng B2

Địa chỉ: Số B đường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: 1. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1954; CCCD số: 040054002409

2. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1954; CCCD số: 040154002197

Cùng địa chỉ: K, phường H, tỉnh Nghệ An.

3. Chị Lê Thị Lan A1, sinh năm 2004; CCCD số: 040304022550

Địa chỉ: K, phường H, tỉnh Nghệ An; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/11/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn đại diện ngân hàng TMCP B (viết tắt BV B1) trình bày:

Chị Lê Thị P có ký hợp đồng tín dụng số 1092400020600 ngày 28/08/2024 với ngân hàng TMCP B1, vay số tiền 800.000.000 đồng để bổ sung vốn làm ăn. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày vay; lãi suất theo thỏa thuận là 8,5%/tháng, cố định trong suốt thời gian vay. Đồng thời chị P có ký hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở sử dụng tài khoản thẻ và đăng ký dịch vụ Ngân hàng Đ1 vay số tiền 40.000.000 đồng. Chị Lê Thị P đã nhận đầy đủ số tiền nhưng sau đó do ốm đau và chị P đã mất ngày 18/02/2025 nên không có khả năng trả nợ như cam kết. Khi vay tiền, chị P có ký hợp đồng thế chấp số1092400020500 ngày 28/8/2024, được công chứng tại số công chứng 6503, quyển số 03/2024TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh Nghệ An chứng nhận; thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 392, tờ bản đồ số 43, diện tích 196,2 m^2 địa chỉ thôn E, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, nay là khối E, phường H, tỉnh Nghệ An, đã được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DH 532256 ngày 22/7/2022 mang tên Lê Thị P. Tài sản thế chấp được định giá khi vay là 1.433.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng chị P đã trả được cho ngân hàng số tiền 30.926.029 đồng lãi, về gốc chị P chưa thanh toán được đồng nào. Hiện nay chị P đã chết, hàng thừa kế thứ nhất của chị P gồm có bố mẹ đẻ là ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Q và con gái là Lê Thị Lan A1. Tài sản chị P để lại là tài sản quyền sử dụng đất tại thửa hửa đất số 392, tờ bản đồ số 43, diện tích 196,2 m^2 địa chỉ thôn E, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, nay là khối E, phường H, tỉnh Nghệ An.

Nay ngân hàng yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của chị P là ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Q, chị Lê Thị Lan A1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng TMCP B1 là 981.839.839 đồng, cụ thể như sau: Dư nợ khoản vay: Gốc vay là 800.000.000 đồng, lãi trong hạn là 42.231.32 đồng, phạt chậm lãi là 3.781.407đồng, lãi quá hạn là: 78.292.602 đồng; Dư nợ khoản thẻ: gốc thẻ là 36.389.063 đồng, lãi thẻ là 21.145.535 đồng.

Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì đề nghị Tòa án giải quyết cho ngân hàng được phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 392, tờ bản đồ số 43, diện tích 196,2 m^2 địa chỉ thôn E, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, nay là khối E phường H, tỉnh Nghệ An mang tên Lê Thị P.

Tại biên bản ghi lời khai Bị đơn ông Lê Văn Đ trình bày:

Ông và vợ ông là bà Nguyễn Thị Q, cũng như chị Lê Thị Lan A1 không liên quan gì đến việc vay mượn của chị Lê Thị P, cũng không biết chị P vay tiền khi nào, vay bao nhiêu tiền và vay của ai. Chồng chị P đã mất từ lâu, chị P chỉ có một người con gái là Lê Thị Lan A1. Năm 2014 vợ chồng ông có cho chị P thửa đất số 392 tờ bản đồ số 43 này để làm nhà ở. Ngoài ra không biết gì thêm, không biết chị P vay tiền để làm gì. Nay ngân hàng yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng ông và chị Lê Thị Lan A1 là con của chị P phải trả nợ cho ngân hàng thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các Thông báo cũng như giấy mời làm việc, Quyết định xét xử cho bà Nguyễn Thị Q, chị Lê Thị Lan A1, yêu cầu bà Q và chị Lan A1 có mặt, đến Tòa án để làm việc nhưng bà Q, chị Lan A1 không đến Tòa án làm việc, không có bản tự khai gửi Tòa án.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 392, tờ bản đồ số 43, diện tích 196,2 m^2 địa chỉ thôn E, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, nay là khối E phường H, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Thị P, có tứ cận: Phía Bắc giáp thửa 107 tờ bản đồ số 43 dài 4,78m (các cạnh 0,58 + 4,20m); Phía Nam giáp đường thôn dài 4,85m; Phía đông giáp thửa 393 dài 41,23m (các cạnh 1,56 + 39,67m); Phía tây giáp thửa 391 tờ bản đồ số 43 dài 41,65m (các cạnh 1,32m + 40,33m); trong đó có 6,9 m^2 là CGQH. Tài sản trên đất gồm: 01 nhà cấp bốn tường xây sò, quét sơn, mái đổ bằng, nền lát gạch hoa diện tích 4,83m x 15m = 72,45m^2; Mái tôn diện tích 4,83 m x 5m = 24,15 m^2; phần cổng: 2 cảnh cổng sắt kích thước 4,8m x cao 2m. Thửa đất có khuôn viên ranh giới rõ ràng, hình thể thửa đất không thay đổi, không có tranh chấp với các hộ liền kề.

Về lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn đã nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng, nay nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn phải chịu phần lệ phí này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Nghệ An phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng TMCP B1. Buộc ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Q, chị Lê Thị Lan A1 phải thanh toán cho ngân hàng TMCP B1 số tiền tạm tính đến ngày 28/4/2026 là: 981.839.839 đồng. Trường hợp ông Đ, bà Q, chị Lan A2 không trả được nợ hoặc trả không đúng theo quy định thì đề nghị phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 392, tờ bản đồ số 43, diện tích 196,2 m^2 địa chỉ: khối E, phường H, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Thị P; đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Ngân hàng TMCP B1 yêu cầu ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Q, chị Lê Thị Lan A1 là hàng thừa kế thứ nhất của chị Lê Thị P trả nợ. Ngày 18/2/2025 chị Lê Thị P đã chết theo trích lục khai tử số 20/2025 ngày 17/3/2025 (quyển số 01/2025), nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại; các bị đơn có hộ khẩu thường trú tại khối C và khối E, phường H, tỉnh Nghệ An nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An theo khoản 3, Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, giấy báo đương sự, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Q, chị Lê Thị Lan A1 nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy căn cứ Điều 227, 228, 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1092400020600 ngày 28/08/2024; hợp đồng thế chấp số 1092400020500 ngày 28/8/2024, được công chứng tại số công chứng 6503, quyển số 03/2024TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh Nghệ An chứng nhận; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng, mở, sử dụng tài khoản

thanh toán và đăng ký dịch vụ ngân hàng Đ1; giấy đề nghị giải ngân kiêm giấy nhận nợ có chữ ký xác nhận của Ngân hàng TMCP B3 và chị Lê Thị P, Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào việc hiện tại ngân hàng đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gốc của chị Lê Thị P, có đủ cơ sở để xác nhận chị Lê Thị P có vay của ngân hàng TMCP B3 số tiền 800.000.000 đồng tại tài khoản vay và tài khoản thẻ tín dụng là 40.000.000 đồng với lãi suất 8,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả là 10%/năm; thời hạn cho vay là 12 tháng.

Mặc dù ông Lê Văn Đ cho rằng việc chị P vay tiền tại ngân hàng ông không biết, nhưng ông Đ, bà Q, chị Lan A1 là hàng thừa kế thứ nhất của chị P. Các bên thừa nhận chị P khi chết không để lại di chúc gì, nhưng tài sản của chị P để lại chưa chia là thửa đất số số 392, tờ bản đồ số 43, diện tích 196,2 m^2 địa chỉ: khối E, phường H, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ Điều 615 Bộ luật dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025 quy định "Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thoả thuận khác". Điều 466 Bộ luật dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025 quy định "Nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác". Vì vậy ông Đ, bà Q, chị Lan A1 là người được hưởng di sản của chị P để lại thì phải thực hiện nghĩa vụ do chị P để lại trong phạm vi được hưởng di sản. Do đó việc ngân hàng B3 yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của chị P trả số tiền vay và lãi suất và Tòa án đã thụ lý giải quyết là có căn cứ, cần được chấp nhận. Về số tiền phải trả, qua các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy từ khi vay đến khi chị P chết, mới trả được cho ngân hàng số tiền lãi là 30,926,029 đồng. Ngày 28/2/2024, chị P chết, khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 10/3/2025. Do đó những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của chị P phải trả nợ gốc và nợ lãi, lãi quá hạn là đúng quy định pháp luật và sự thỏa thuận giữa chị P và ngân hàng. Hơn nữa số tiền ngân hàng yêu cầu hàng thừa kế thứ nhất của chị P trả nợ vẫn nằm trong giá trị tài sản mà chị P để lại, theo biên bản định giá của ngân hàng ngày 28/8/2024.

Hàng thừa kế thứ nhất của chị P là 03 người, nên cần chia số tiền nợ của ngân hàng thành 3 phần tương đương nhau, mỗi người phải có trách nhiệm trả nợ tạm tính đến ngày 28/4/2026 cụ thể là: 327.279.946 đồng, trong đó: Dư nợ khoản vay: gốc vay là 266.666.666 đồng, lãi trong hạn là 14.077.106 đồng, phạt chậm lãi

là 1.260.469 đồng, lãi quá hạn là: 26.097.534 đồng; Dư nợ khoản thẻ: gốc thẻ là 12.129.687 đồng, lãi thẻ là 7.048.511 đồng.

[2.2] Xét hợp đồng thế chấp số 1092400020500 ngày 28/8/2024, giữa Ngân hàng TMCP B3 và chị Lê Thị P được ký kết trên cơ sở tự nguyện, được công chứng đúng quy định tại văn phòng C và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã H, vì vậy hợp đồng thế chấp có hiệu lực. Qua xem xét thẩm định tại chỗ và điều tra xác minh cho thửa đất thế chấp có tứ cận và ranh giới sử dụng ổn định, không có tranh chấp với các hộ liền kề, tài sản thế chấp được thẩm định không có gì thay đổi so với khi thế chấp.

Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp khi ông Đ, bà Q, chị Lan A1 không trả được nợ cho ngân hàng hoặc trả không đầy đủ là đúng quy định pháp luật, cần được chấp nhận.

[2] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ngân hàng TMCP B3 đã nộp tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Nay ngân hàng yêu cầu bị đơn phải chịu lệ phí xem xét thẩm định trên là có căn cứ theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Q, chị Lê Thị Lan A1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên ông Đ, bà Q là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự thẩm theo quy định tài Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Các điều 147, 184, 227, 228, 238, 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; các Điều 280, 299, 323, 325; 351, 463, 466, 468, 615, 650, 651 Bộ luật Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; các Điều 91, 94, 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng TMCP B (viết tắt: BV B1).

2.1. Buộc ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Q, chị Lê Thị Lan A1 phải thanh toán cho ngân hàng TMCP B theo hợp đồng tín dụng số 1092400020600 ngày 28/08/2024 và tài khoản thẻ và đăng ký dịch vụ Ngân hàng Đ1 ngày 28/8/2024, tổng số tiền nợ tính đến ngày 28/4/2026 là: 981.839.839 đồng trong phạm vi di sản

chị P1 chết để lại, (cụ thể như sau: Dư nợ khoản vay: gốc vay là 800.000.000 đồng, lãi trong hạn là 42.231.32 đồng, phạt chậm lãi là 3.781.407đồng, lãi quá hạn là: 78.292.602 đồng; Dư nợ khoản thẻ: gốc thẻ là 36.389.063 đồng, lãi thẻ là 21.145.535 đồng. Kỷ phần chia cho mỗi người là: 327.279.946 đồng, trong đó: Dư nợ khoản vay: gốc vay là 266.666.666 đồng, lãi trong hạn là 14.077.106 đồng, phạt chậm lãi là 1.260.469 đồng, lãi quá hạn là: 26.097.534 đồng; Dư nợ khoản thẻ: gốc thẻ là 12.129.687 đồng, lãi thẻ là 7.048.511 đồng).

2.2. Trường hợp ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Q, chị Lê Thị Lan A1 không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì ngân hàng TMCP B3 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, đấu giá tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 392, tờ bản đồ số 43, diện tích 196,2 m^2 địa chỉ thôn E, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An, nay là khối E, phường H, tỉnh Nghệ An đã được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DH 532256 ngày 22/7/2022 mang tên Lê Thị P theo Hợp đồng thế chấp hợp đồng số 1092400020500 ngày 28/8/2024, được công chứng tại số công chứng 6503, quyển số 03/2024TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh Nghệ An chứng nhận giữa chị Lê Thị P với ngân hàng TMCP B1.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Q, chị Lê Thị Lan A1 phải trả lại cho ngân hàng TMCP B số tiền 5.000.000 đồng.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Lan A1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 16.364.000 đồng.

Hoàn trả lại cho ngân hàng TMCP B số tiền tạm ứng án phí 19.684.000 đồng mà ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002759 ngày 14 tháng 11 năm 2025 tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Kể từ ngày tiếp theo ngày 28/4/2026, ông Lê Văn Đ, bà Nguyễn Thị Q, chị Lê Thị Lan A1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất của số tiền chưa thanh toán cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ trả nợ hoặc thi hành án xong theo các điều khoản đã ký theo Hợp đồng tín dụng số số 1092400020600 ngày 28/08/2024 và tài khoản thẻ và đăng ký dịch vụ Ngân hàng Đ1 ngày 28/8/2024. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

6. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 4;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Hà